

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
VỀ VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIỆN**

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào kết quả phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại của các ông: Đào Huy H, nơi cư trú: Số 991, đường N, xã AĐ, huyện D, thành phố Hải Phòng; ông Lê Văn S, nơi cư trú: Thôn KP, xã ĐT, huyện D, thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Hữu H, nơi cư trú: Thôn CM, xã NS, huyện D, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc trả lại đơn khởi kiện, ý kiến của người khiếu nại, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên họp.

Xét thấy: Người khởi kiện đã được Thẩm phán hướng dẫn để sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện nhưng Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nên Tòa án ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, tại Thông báo trả lại đơn Số 630/2018/TB-TA ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 192 (chưa đủ điều kiện khởi kiện) để trả lại đơn khởi kiện là không chính xác mà phải căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192 và khoản 2 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán) để trả lại đơn khởi kiện.

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Trần Thu Hương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định. Phần cuối tùy từng trường hợp giải quyết khiếu nại, kiến nghị mà ghi KN hay KNKN (ví dụ: Số: 02/2017/QĐ-GQKN; Số : 04/2017/QĐ-GQKNKN).

(3) Tùy từng trường hợp giải quyết khiếu nại, kiến nghị mà ghi cụ thể “QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIẾN”; “QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIẾN”; “QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIẾN”.

(4) Tùy từng trường hợp mà ghi cụ thể các điểm, khoản, điều áp dụng để ra quyết định;

(5) Tùy từng trường hợp mà ghi cụ thể: Nếu giải quyết khiếu nại thì ghi “đơn khiếu nại của” và đơn đó của cá nhân thì ghi họ tên; nếu người khiếu nại là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện đó; nếu giải quyết kiến nghị của Viện kiểm sát thì ghi “văn bản kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân.....”. Trường hợp mở phiên họp xem xét, giải quyết, khiếu nại, kiến nghị thì ghi: “Căn cứ vào kết quả phiên họp xem xét, giải quyết, khiếu nại, kiến nghị”.

(6) Tùy từng trường hợp mà ghi Viện kiểm sát, người khiếu nại.

(7) Tùy từng trường hợp mà căn cứ vào các điều 192, 193 và 194 của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi nội dung cụ thể.

(8) Tùy từng trường hợp mà ghi nội dung cụ thể theo quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 194 của Bộ luật tố tụng dân sự.

